

Bản án số: 89/2018/HS-ST
Ngày: 18-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Báu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Đăng Khánh Phương - Phó bí thư Thành đoàn TP.Đ.

Bà Đỗ Thị Thu Hương - Cán bộ hưu trí Phường L, TP.Đ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 81/2018/HSST ngày 31/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Quốc T1** - Tên gọi khác: Thiên L.

Sinh ngày: 09/01/1995, tại Lâm Đồng.

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không.

HKTT và chỗ ở: Đường X, Phường C, TP.Đ, Lâm Đồng.

Học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Làm thuê.

Con ông: Lê Văn N – Sinh năm: 1968 và bà: Nguyễn Thị C – Sinh năm: 1969.

Cả hai cùng trú tại Đường X, Phường C, TP.Đ, Lâm Đồng.

Gia đình có 03 anh em ruột, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2000.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 12/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội: Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Ngày 24/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 10 tháng 11 ngày tù về tội: Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ

luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi và đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/02/2013.

- Ngày 12/02/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo bị bắt ngày 20/01/2018 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đ. Có mặt

- *Bị hại:*

Chị Bùi Hoàn Thảo T2, sinh ngày: 20/02/2001.

Trú tại: Đường X, Phường C, TP.Đ, Lâm Đồng. Có mặt

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Ông Bùi Minh H, sinh năm 1977

Trú tại: Đường X, Phường C, TP.Đ, Lâm Đồng là người đại diện theo pháp luật của bị hại. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968.

Trú tại: Đường X, Phường C, TP.Đ, Lâm Đồng. Có mặt

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc T1 và Bùi Hoàn Thảo T2 (sinh ngày 20/02/2001) có quan hệ tình cảm với nhau vào năm 2014 khi T2 đang học lớp 7. Vào tối ngày 09/9/2014 khi T2 đang là người dưới 16 tuổi, sau khi đi chơi cùng bạn bè, T1 và T2 về nhà T1 ở số đường X, Phường C, TP. Đ chơi. T1 và T2 nói chuyện trong phòng của T1 được khoảng 30 phút thì T1 hôn T2 và dùng tay sờ ngực T2 thì T2 đẩy T1 ra, T1 tiếp tục hôn, sờ ngực T2 và nói “cho anh làm một lần thôi”, thấy T2 không phản ứng gì nên T1 cởi quần của T2 ra rồi dùng tay sờ vào âm hộ của T2. Sau đó T1 cởi quần của mình ra và thực hiện hành vi giao cấu với T2. Sau lần giao cấu đầu tiên, từ ngày 09/9/2014 đến ngày 09/10/2014, T1 và T2 tiếp tục quan hệ tình dục với nhau nhiều lần. Ngày 20/10/2014, T1 bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ khởi tố, bắt giam về tội Trộm cắp tài sản. Tháng 02/2015, T2 đi khám thì phát hiện có thai được 04 tháng tuổi, đến ngày 06/6/2015 T2 sinh một bé gái tại bệnh viện Lâm Đồng, được đặt tên là Bùi Hoàn Thảo V.

Tại kết luận giám định số: 1233/C54B ngày 17/4/2018 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Ông Lê Quốc T1 (SN 1995, HKTT tại 62/3 Xuân An, Phường 3, Đ) là cha ruột của bé gái con của Bùi Hoàn Thảo T2 (SN 20/02/2001, HKTT tại đường X, Phường C, TP.Đ) với xác suất là 99,9999%.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì các kết luận của Hội đồng giám định nêu trên.

Tại Cáo trạng số 83/CT-VKS ngày 30/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Lê Quốc T1 về tội “Giao cấu với trẻ em” theo khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc T1 khai nhận: Do có quan hệ yêu thương nhau nên từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 10 năm 2014 giữa bị cáo và chị T2 có quan hệ tình dục với nhau tại nhà của bị cáo dẫn đến việc chị T2 có thai với các hành vi như cáo trạng nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc khiếu nại gì về nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù, về trách nhiệm dân sự công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa người bị hại với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quốc T1:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ nhận thức, bị cáo đã trên 19 tuổi nên biết rất rõ việc lợi dụng để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với người bị hại là trẻ em nữ chưa đủ 16 tuổi là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Sau khi nảy sinh tình cảm yêu thương với nhau, lợi dụng sự ngây thơ, thiếu hiểu biết của người bị hại, bị cáo đã thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại nhiều lần, dẫn đến nạn nhân có thai khi mới 13 tuổi 8 tháng là hành vi trái pháp luật, xâm phạm trái pháp luật về quyền bất khả xâm phạm về tình dục đối với trẻ em bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo thực hiện là trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Quốc T1 phạm tội “Giao cấu với trẻ em”. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên áp dụng điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử bị cáo như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo Lê Quốc T1 phạm tội nhiều lần và làm cho nạn nhân có thai là vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 nên bị cáo Lê Quốc T1 bị xét xử theo khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 như Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra và tại phiên bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo đã tác động với gia đình để bồi thường cho người bị hại, người bị hại và người đại diện cho người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật cần cách ly bị cáo Lê Quốc T1 ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: Trước khi xét xử bị cáo tác động với gia đình và bà Nguyễn Thị C là mẹ của bị cáo đã bồi thường cho chị Bùi Hoàn Thảo T2 70.000.000đ tiền thiệt hại về danh dự, nhân phẩm và chi phí khám chữa bệnh. Tại phiên tòa chị T2 và ông H yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 15.000.000đ cho người bị hại, bị cáo đồng ý nên chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có: 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Quốc T1, nơi ĐKKHKT: Đường X, Phường C, TP Đ, số 250964851, cấp ngày 17/8/2017, nơi cấp tỉnh Lâm Đồng là giấy tờ tùy thân của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc T1 phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, d khoản 2 Điều 115, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Quốc T1 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2018.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Quốc T1, nơi ĐKKHKT: Đường X, Phường C, TP Đ, số 250964851, cấp ngày 17/8/2017, nơi cấp tỉnh Lâm Đồng.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/6/2018 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 590, 592 Bộ luật dân sự; Buộc bị cáo Lê Quốc T1 phải bồi thường cho người bị hại là chị Bùi Hoàn Thảo T2 số tiền 85.000.000đ, đã bồi thường 70.000.000đ nên còn phải bồi thường thêm cho chị T2 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Quốc T1 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LD (2);
- VKS TP Đ;
- Công an TP Đ;
- THA Đ;
- Sở tư pháp Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNV liên quan
- BP theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Báu